TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-ST
Ngày 25-9-2018
V/v: "Tranh chấp thừa kế về tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Nữ Lệ Chi là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2017/TLST-DS ngày 07-11-2017 về việc *"Tranh chấp thừa kế về tài sản"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-DS ngày 21-8-2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-DS ngày 05-9-2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Thành N, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số X hẻm Y đường L, tổ 15, khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Thành N1, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số Y đường L, tổ 15, khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm: 1931; địa chỉ: Số Y đường L, tổ 15, khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong qúa trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Thành N trình bày:

Trước đây, cụ Phạm Văn Y và cụ Nguyễn Thị T (cha mẹ ruột của nguyên đơn và bị đơn) có một phần ruộng tổng diện tích khoảng 49.145m^2 gồm 22 thửa tại xã Hòa Long, huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B414611 ngày 10-12-1992.

Đến năm 2005, cụ Y và cụ T chiết chuyển nhượng cho ông Trần Thế V diện tích 5.962,6m^2 thuộc thửa 179 và ông Nguyễn Tất T diện tích 4.119,4m^2 thuộc một phần thửa 178 + 179 tờ bản đồ số 23 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, diện tích còn lại khoảng 39.063m^2.

Ngày 22-8-2006, cụ Y và cụ T lập Biên bản chúc ngôn với nội dung để lại phần diện tích 9.063m^2 để dưỡng già, phần diện tích còn lại 30.000m^2 chia đều cho hai con là ông N1 và ông N mỗi người 15.000m^2. Sau khi cụ Y chết, thực hiện ý chí của cụ Y và cụ T, ngày 09-6-2011, ông N đã đến Phòng công chứng làm thủ tục lăn tay, ký xác nhận cho cụ T và ông N1 nhận đủ phần đất thừa kế của hai người với tổng diện tích 24.063m^2 và phần đất thừa ra do điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng thêm diện tích là 2.268,5m^2. Vậy là cụ T và ông N1 đã nhận đủ phần diện tích đất tổng cộng là 26.331,5m^2.

Theo Biên bản chúc ngôn ngày 22-8-2006, ông N cũng nhận được diện tích là 15.000m^2, nhưng trong quá trình trích lục sơ đồ vị trí thửa đất do sai sót, nhầm lẫn về giấy tờ, vị trí đo đạc nên cơ quan có thẩm quyền không trích lục đối với phần đất còn lại của thửa 178 + 179 (sau khi đã chuyển nhượng cho ông Vi và ông Thành một phần), do đó ông N chỉ nhận được diện tích đất là 13.654,1m^2. Như vậy, ông N nhận thêm phần đất diện tích còn lại 1.362m^2 là đủ tổng diện tích 15.000m^2. Sau khi đo đạc lại và chỉnh lý hợp thức hóa giấy tờ phần đất còn lại thuộc thửa số 133 tờ bản đồ số 33 diện tích 1.362m^2, phần đất này cụ T và ông N1 đã đồng ý cho ông N đứng tên đại diện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thủ tục và toàn quyền quyết định đối thửa đất này, thỏa thuận có chứng thực của UBND phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 15/10/2013. Cụ T và ông N1 hứa sẽ ra làm thủ tục công chứng để hợp thức hóa cho ông N quyền sử dụng thửa đất này sau khi đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N đã nhiều lần yêu cầu, nhưng cho đến nay ông N1 vẫn cố tình không thực hiện mà muốn chiếm đoạt cản trở không đến phòng công chứng để ký hợp thức hóa giấy tờ cho ông Nhận được toàn quyền quyết định, sử dụng đối với thửa đất số 133 tờ bản đố số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận phần diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thuộc quyền sử dụng của ông N theo Biên bản giấy chúc ngôn ngày 22-8-2006 của cụ Y và cụ T và Văn bản thỏa thuận về việc đại diện đứng tên đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lập ngày 15-10-2013 của gia tộc.

Theo bản Tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Thành N1 trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là của cụ Y và cụ T tự khai phá trong tổng diện tích đất hơn 60.000m^2 (khi làm thủ tục trích lục thửa đất để chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa có sự nhầm lẫn không trích lục phần còn lại của thửa 178 và 179 (một phần chuyển nhượng cho ông Trần Thế Vi và ông Nguyễn Tất Thành). Sau khi phát hiện ra phần đất này chưa được trích lục, nên cụ T có đơn xin cơ quan có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Vì vậy, cụ T, ông N1 và ông N lập Văn bản thỏa thuận cho ông N đứng tên đại diện để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa. Đến nay, phần đất này đã được UBND thành phố Bà Rịa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Phạm Thành N là người đại diện của những người được thừa kế: Bà Nguyễn Thị Trà, ông Phạm Thành N1.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu được công nhận diện tích đất nêu trên cho ông N theo nội dung bản di chúc của cụ Y và cụ T lập ngày 22-8-2006, ông N1 không đồng ý. Vì phần đất này là phần đất của cụ T được hưởng để dưỡng già. Do đó, ông N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Sau khi cụ Y chết, cụ T đã đứng ra chia đất đai, tài sản cho các con, trong đó ông N được chia rất nhiều đất đai, tài sản. Đối với phần đất còn lại 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thì cụ T giữ lại để dưỡng già nên không chia cho ai khác, đây là phần đất cụ T khai phá nên được hưởng không chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án kéo dài là vi phạm điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện nghiêm chỉnh quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan cụ Nguyễn Thị T vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 653 của Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử không cấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đương sự phải chịu án phí, chi phí định giá theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa là phần di sản của cụ Phạm Văn Y và cụ Nguyễn Thị T để lại và ông N được hưởng theo Biên bản chúc ngôn của cụ Y và cụ T ngày 22-8-2006 được xác định *"Tranh chấp thừa kế về tài sản"* quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt cụ T.

[1.3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án thì thấy: Ngày 07-11-2017, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến ngày 11-5-2018 ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do chờ Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cung cấp tài liệu, chứng cứ. Sau khi, nhận được tài liệu, chứng cứ ngày 25-6-2018 ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án và đến ngày 21-8-2018 ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là còn trong thời hạn luật định. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng Tòa án không ra Quyết định gia hạn thời gian chuyển bị xét xử là có thiếu sót, Hội đồng xét xử ghi nhận để rút kinh nghiệm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập trong quá trình tố tụng thể hiện nguồn gốc diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa là một phần trong tổng diện tích đất 49.145m^2 thuộc thửa 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175, 176, 177, 178, 179 và 225 tờ bản đồ số 23 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số B414611 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 10-12-1992 đứng tên cụ Phạm Văn Y.

[2.2] Năm 2005, cụ Y và cụ T chiết chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tất T diện tích đất 4.119.4m^2 thuộc một phần thửa số 178, 179 và chuyển nhượng cho

ông Trần Thế V diện tích đất 5.962,6m^2 thuộc thửa 179. Diện tích còn lại 39.063m^2 đất sản xuất nông nghiệp, theo xác nhận chỉnh lý của Phòng địa chính thành phố Bà Rịa ngày 25-02-2005.

[2.3] Ngày 22-8-2006, cụ Y và cụ T lập Biên bản chúc ngôn với nội dung:

"…. Phần ruộng còn lại tổng diện tích là 39.063m^2 cha mẹ trích lại 9.063m^2 để phụng dưỡng nuôi cha mẹ do ông Phạm Thành N1 toàn quyền sử dụng. Số diện tích còn lại 30.000m^2 chia đều cho 02 con mỗi người là 15.000m^2…"

[2.4] Ngày 12-12-2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố xác nhận chỉnh lý nội dung về diện tích sử dụng có sự sai lệnh, nay đính chính là 38.766,3m^2 đất nông nghiệp theo bản vẽ trích lục ngày 08-12-2008 (bản đồ chỉnh lý năm 2008).

[2.5] Ngày 11-5-2010, cụ Y chết theo Giấy chứng tử số 30 quyền số 01/2010 do UBND phường Phước Nguyên cấp ngày 11-5-2010.

[2.6] Ngày 17-5-2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bà Rịa xác nhận chỉnh lý về diện tích có sự thay đổi, nay xác nhận thửa 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175, 176, 177 (nay là thửa 103, 124, 144, 111, 95, 137, 159, 160, 161, 173, 103, 120, 145, 84, 181, 162, 121, 146, 163, 183 tờ bản đồ số 23 (mới 32, 33) có diện tích 39.985,6m^2 theo bản vẽ kiểm tra ngày 19-4-2011.

[2.7] Ngày 06-9-2011, cụ T, ông N1 và ông N lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế, theo đó cụ T được thừa kế toàn bộ diện tích đất nói trên (Văn bản phân chia thừa kế do Phòng công chứng số 02 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu công chứng số 103, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06-9-2011).

[2.8] Ngày 18-10-2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bà Rịa xác nhận chỉnh lý biến động sang tên cụ T được thừa kế toàn bộ diện tích.

[2.9] Trước đó vào ngày 06-9-2011, cụ T lập hợp đồng tặng cho ông N1 các thửa đất số 161, 162, 163, 173, 181, 183 tờ bản đồ số 33 và thửa số 103, 111, 137, 124, 144, 159, 160, 161, 173 và 96 tờ bản đồ số 32 tổng diện tích 26.331,5m^2.

[2.10] Ngày 16-7-2012, cụ T lập hợp đồng tặng cho ông N các thửa đất số 104, 121, 146, 163 tờ bản đồ số 33 diện tích 4.250,3m^2 và thửa đất số 96, 145, 120, 103 tờ bản đồ số 33 tổng diện tích 9.403,8m^2.

[2.11] Ngày 17-01-2012, cụ T có đơn xin điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với lý do ngày 12-12-2008 gia đình trích lục thửa đất để chỉnh lý giấy, trong quá trình trích lục bản vẽ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất có sự nhầm lẫn không trích lục phần diện tích 1.362m^2 còn lại của thửa 178 và 179 tờ bản đồ số 23 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa.

[2.12] Ngày 15-10-2013, cụ T, ông N1 và ông N lập văn bản thỏa thuận về việc đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung:

"... Ông Phạm Thành N ... Đứng tên đăng ký và toàn quyền quyết định thửa 133 thuộc tờ bản đồ số 33 tọa lại tại xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa diện tích 1.362m^2..."

[2.13] Đến ngày 21-4-2014, cụ T, ông N1 và ông N tiếp tục lập văn bản thỏa thuận về việc đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung:

"... Ông Phạm Thành N ... Đại diện cho gia tộc đứng tên đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 133 thuộc tờ bản đồ số 33 tọa lại tại xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa diện tích 1.362m^2...".

[2.14] Ngày 16-6-2014 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bà Rịa làm việc với ông N về việc giải quyết đơn yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa.

[2.15] Ngày 18-6-2014, ông N có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 133 thuộc tờ bản đồ số 33 tọa lại tại xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa diện tích 1.362m^2 được UBND xã Tân Hưng xác nhận ngày 22-7-2014 với nội dung:

"Nguồn gốc sử dụng đất: Diện tích đất này là một phần diện tích còn lại thửa đất số 178, 179 tờ bản đồ số 23 (bđ 1992) tức thửa 107, 122 tờ bản đồ số 33 (bđ năm 2008) đã được cấp Giấy CNQSD đất số B4144611 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 10-12-1992 chủ sử dụng đất là ông Phạm Văn Y. Ngày 12-12-2008 ông Phạm Văn Y chỉnh lý lại Giấy CNQSD đất do nhầm lẫn đã bỏ diện tích này. Đến năm 2010 ông Phạm Văn Y chết, ông Phạm Thành N là con trai đại diện cho các đồng thừa kế đứng tên đề nghị cấp giấy theo văn bản thỏa thuận được UBND phường Phước Nguyên xác nhận ngày 21-4-2014..."

Thửa đất này đã được UBND thành phố Bà Rịa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 374249 ngày 16-9-2014 đứng tên ông Phạm Thành N *"Là người đại diện của những người thừa kế: Bà Nguyễn Thị Trà, ông Phạm Thành N1"*.

[2.16] Như vậy, ông N chỉ là người đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận của cụ T, ông N1 và ông N tại Văn bản thỏa thuận về việc đại diện đứng tên đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15-10-2013 và Văn bản thỏa thuận về việc đại diện đứng tên đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21-4-2014 đối với diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành Phố Bà Rịa. Cụ T, ông N1 và ông N là người được quyền sử dụng chung đối với thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa theo quy định của pháp luật.

[2.17] Ông N cho rằng theo Biên bản chúc ngôn ngày 22-8-2006, cụ Y và cụ T để lại cho ông N được thừa hưởng diện tích 15.000m^2 đất, nhưng do sai sót trong quá trình trích lục hồ sơ nên chưa nhận đủ diện tích đất thì thấy: Ngày 22-8-2006, cụ Y và cụ T lập Biên bản chúc ngôn với ý chí là để lại phần diện tích đất 1.749,1m^2 tọa lạc tại phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa và diện tích đất

39.063m^2 tọa lạc tại xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, theo đó phần diện tích 39.063m^2 trích lại 9.063m^2 để dưỡng già và phân chia cho ông N1 và ông N mỗi người 15.000m^2. Tuy nhiên, văn bản không tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức của di chúc cũng như nội dung của di chúc, nếu như Biên bản chúc ngôn ngày 22-8-206 tuân thủ các quy định của pháp luật thì di chúc chưa phát sinh hiệu lực đối với phần tài sản của cụ T do cụ T còn sống. Vì vậy, sau khi cụ Y chết ngày 06-9-2011, cụ T, ông N1 và ông N thỏa thuận lập văn bản tặng cho cụ T toàn bộ di sản của cụ Y để lại để thực hiện việc phân chia tài sản theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình trích lục sơ đồ vị trí cơ quan có thẩm quyền có sự nhầm lẫn không trích lục phần còn lại của thửa 178 và 179 (đã chuyển nhượng cho ông Thành và ông Vi một phần) do đó các bên không biết phần còn lại nên không định đoạt đối với tài sản này. Như vậy, phần diện tích còn lại của thửa 178 và 179 tờ bản đồ số 23 vẫn thuộc quyền sử dụng chung của cụ T, ông N1 và ông N theo quy định của pháp luật.

[2.18] Đến năm 2012, cụ T làm thủ tục tặng cho ông N1 và ông N quyền sử dụng đất mới phát hiện phần diện tích đất 1.362m^2 còn lại của thửa 178 và 179 tờ bản đồ số 23 (nay là thửa 133 tờ bản đồ số 33) xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, cơ quan có thẩm quyền không ghi chú trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 17-10-2012, cụ T có đơn xin chỉnh lý trả lại diện tích 1.362m^2 và đến ngày 15-10-2013 và ngày 21-4-2014, cụ T, ông N1 và ông N lập văn bản cho ông N đại diện đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này.

[3] Từ những nhận định, phân tích nêu trên và đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng: Cụ T, ông N1 và ông N là người được quyền sử dụng chung đối với diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133, tờ bản đồ số 33, xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa. Do đó, ông N yêu cầu công nhận diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa là phần di sản ông N được hưởng theo Biên bản chúc ngôn ngày 22-8-2006 là không có cơ sở chấp nhận. Trường hợp có tranh chấp quyền sử dụng theo phần các bên tranh chấp được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về chi phí định giá, sao lục hồ sơ tài liệu: Tổng cộng hết 1.825.000đ, do yêu cầu khởi kiện của ông N không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí định giá, sao lục hồ sơ tài liệu.

[5] Về án phí: Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 165, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 611, 612, 614, 630, 631, 634, 649, 650 và 688 của Bộ luật dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành N đối với ông Phạm Thành N1 về việc yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận diện tích đất 1.362m^2 thuộc thửa 133 tờ bản đồ số 33 xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phần di sản ông Phạm Thành N được hưởng theo Biên bản chúc ngôn lập ngày 22-8-2006 của cụ Phạm Văn Y và cụ Nguyễn Thị T.

2. Về chi phí định giá, sao lục hồ sơ tài liệu: Ông Phạm Thành N phải nộp 1.825.000đ và đã nộp xong.

3. Về án phí: Ông Phạm Thành N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền 2.300.000 (hai triệu, ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0009888 ngày 03-11-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25-9-2018) các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- CN-VPĐKĐĐ thành phố Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ vụ án.